

STT	Họ tên	Lớp	Môn bắt buộc thi lại	Môn điều kiện	Môn đăng kí	Văn	Su	Lí	Anh	CN	CD	Hóa	Toán	Sinh	Đia	Kết quả
60	Nguyễn Đức Bình	10A11	T		T								4			Lên lớp
61	Mã Thanh Huy	10A11	T		T								2.3			
62	Nguyễn Tùng Lâm	10A11	H Su	T V	T H Su		0					0	0			Vắng
63	Lương Phú Minh	10A11	T		T								2.5			
64	Nguyễn Nam Phương	10A11	T	T V	Không đăng kí											
65	Phạm Trung Tâm	10A11	T Su		T Su		4.5						2.3			
66	Cao Minh Thắng	10A11	T H A Su	T V	T H Su A		4		1.3			5.8	0.8			
67	Nguyễn Trung Thiện	10A11	T H	T V	T H							3.8	1.3			
68	Nguyễn Trung Tín	10A11		T V	T								6.8			Lên lớp
69	Nguyễn Mạnh Toàn	10A11	T		T								2.3			
70	Đinh Thị Tuyết Hoa	10A12	T Su		T Su		9.5						4.3			Lên lớp
71	Dương Gia Huy	10A12	T		T Si								3.8	9		Lên lớp
72	Hoàng Đại Thành	10A12	T H D	T V	T H D							2.8	1.3		5.5	
73	Lê Quang Tuyên	10A12	Si		Si									8.5		Lên lớp
74	Phạm Thị Linh	11A1	T		Không đăng kí											
75	Nguyễn Thị Hoàng Thương	11A1	T H		Không đăng kí											
76	Phạm Tiến Tuấn	11A1	T H		T H							3.5	3.5			Lên lớp
77	Nguyễn Hoàng Anh	11A2	H A Su		H A Su		7		4.2			2.5				
78	Nguyễn Việt Đức	11A2	L H A		L H A Di			5.5	4			3.3			9	
79	Nguyễn Bá Hậu	11A2	H		H							3.8				Lên lớp
80	Kiều Minh Hiếu	11A2	L	T V	L T			1.8					2.3			
81	Đặng Quốc Thắng	11A2	T		T								4.5			Lên lớp
82	Nguyễn Ích Nam Tường	11A2	H		H							4				Lên lớp
83	Nguyễn Thị Kim Yến	11A2	H		H							2.3				
84	Lê Thị Bích Châu	11A3	H		H							5.8				Lên lớp
85	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	11A3	H		H							2.3				
86	Trần Đức Anh	11A4	A		A				4							Lên lớp
87	Trịnh Xuân Đức	11A4	H A		H A				3.6			2				
88	Nguyễn Thiện Thành	11A4	T H	T V	T H V	5.3						3.8	5			Lên lớp
89	Trần Hoàng Thông	11A4		T V	T								4.5			
90	Nguyễn Thị Đa Vy	11A5	H		H							3.5				Lên lớp

STT	Họ tên	Lớp	Môn bắt buộc thi lại	Môn điều kiện	Môn đăng kí	Văn	Su	Lí	Anh	CN	CD	Hóa	Toán	Sinh	Địa	Kết quả
91	Nguyễn Thị Ngọc Hân	11A6	T H		T H							3	1.3			
92	Nguyễn Hoài Mẫn	11A6	T		T								0.3			
93	Lê Tấn Phát	11A6	T H		T H							4.8	2.5			
94	Trần Anh Hồng Phúc	11A6	H A		H A				2.2			1.5				
95	Lê Nguyễn Hoàng Tân	11A6	H Di		H Di							4			4.8	Lên lớp
96	Nguyễn Thành Trung	11A6	H	T V	H V	3.3						4.8				
97	Nguyễn Thanh Tuấn	11A6	H		H							5.3				Lên lớp
98	Nguyễn Minh Hiền	11A7	H Di		H Di							6.3			7.5	Lên lớp
99	Nguyễn Xuân Hội	11A7	T A		T A				5.6				5			Lên lớp
100	Bùi Thị Nhi	11A7	T H		T H							2.8	2.5			
101	Lưu Huỳnh Như	11A7	H		H							5.5				Lên lớp
102	Nguyễn Văn Hải Đường	11A8	T H A		Không đăng kí											
103	Hoàng Công Minh	11A8	H A	T V	H V A	4			3.2			2				
104	Nguyễn Hoàng Phúc	11A8	A		A				3							
105	Đặng Thanh Tâm	11A8	H		H							6.3				Lên lớp
106	Nguyễn Thị Vân Anh	11A9		T V	V	4										
107	Trần Kiến Đạt	11A9	H V	T V	H V Di CD	3					2.5	1.5			1.5	
108	Nguyễn Lê Đông Hòa	11A9	A		A Su		5		3.2							
109	Lã Minh Huy	11A9	H		H							5.8				Lên lớp
110	Nguyễn Hữu Quốc	11A9	H A		H A				5			3.8				Lên lớp
111	Nguyễn Trần Quang Viên	11A9	L H		L H			5.3				4.3				Lên lớp
112	Lâm Khải Hiếu	11A10	H		H							3				
113	Trần Ngọc Trà My	11A10	H		H							5.8				Lên lớp
114	Nguyễn Hữu Quý	11A10	T A		T A				4				7.3			Lên lớp
115	Nguyễn Lê Minh Thanh	11A10			Su		10									Lên lớp
116	Đỗ Minh Thắng	11A10	T H	T V	T H V	3.5						4	2			
117	Nguyễn Văn Văn	11A10	H		H							3.5				Lên lớp
118	Trương Huy Vũ	11A10	T Di	T V	T V Di	4.3							6		3.5	Lên lớp